

Số: /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này thay thế thủ tục hành chính tương ứng đã công bố tại Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025; Quyết định số 79/QĐ-BVHTTDL ngày 14/01/2026; Quyết định số 821/QĐ-BVHTTDL ngày 10/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, Thủ trưởng các Cục, Vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Thư ký*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố TW;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở VH TTDL, Sở VH TT;
- Lưu: VT, PTTHTTĐT, D.100.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Tạ Quang Đông

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1.	1.000848	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
2.	1.000836	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
3	1.004330	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
4	1.000819	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
1.	2.001765	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2.	1.003384	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	1.004321	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền <i>(TTHC mới phân cấp từ Trung ương về cấp tỉnh)</i>		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	1.004233	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền <i>(TTHC mới phân cấp từ Trung ương về cấp tỉnh)</i>		Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ VH-TT-DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cho doanh nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(2) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;

(3) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp luật đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó hoạt động phải được hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;

(4) Văn bản xác nhận của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải được hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường

hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;

(5) Văn bản mô tả của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình và khung chương trình đã phát sóng trong 01 tháng, có thời gian phát sóng không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp (đại lý).

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cho doanh nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: 3.500.000 đồng.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

TÊN ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /

..., ngày... tháng...năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI
 TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: *Cơ quan cấp Giấy chứng nhận*

1. Tên đơn vị đề nghị cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):.....

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... do.....cấp ngày...tháng...năm.....*

2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Việt Nam theo các nội dung sau:

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình (*bản màu*):

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (*bao gồm cả tên viết tắt*):

Tên đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:

Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
...						

- 2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...*)
- 2.7. Ngôn ngữ thể hiện:
- 2.8. Thời gian phát sóng/ngày:
- 2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:
- 2.10. Độ phân giải hình ảnh: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

SDTV	☐
HDTV	☐
Khác	☐

(Ghi rõ thông tin nếu điền “khác”)

(Đơn vị) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:

2.12. Vệ tinh phát:

Tên vệ tinh:

Vị trí vệ tinh:

2.13. Phương thức truyền dẫn khác (nếu có):

Địa điểm đặt máy chủ truyền dẫn:

Địa điểm nhận tín hiệu:

2.14. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

Đối với phương thức thu tín hiệu từ vệ tinh:

Đối với phương thức truyền dẫn khác:

2.15. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐

2.16. Phạm vi được ủy quyền của đại lý theo văn bản ủy quyền: *Là đại lý duy nhất/các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)*.....

3. Tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

(...)

4. Cam kết

(Tên đại lý được ủy quyền) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung đăng ký nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp *(tên đại lý được ủy quyền)* xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, *(tên đại lý được ủy quyền)* sẽ chấp hành nghiêm các quy định trong Giấy chứng nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
 NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

(Có giá trị đến ngày ...tháng ...năm ...)

Cấp lần đầu ngày...tháng ...năm ...

Cấpngày.....tháng.....năm

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
 CHỨNG NHẬN:**

**1. Tên đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào
 Việt Nam:** (viết chữ in hoa)

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
 số.....do... cấp.....ngày.....tháng.....năm

- Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài (tên kênh
 chương trình) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do... cấp ngày...
 tháng... năm... cho (tên đại lý đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài, áp
 dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung).

**2. Chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch
 vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các nội dung sau:**

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):

Tên đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam
 (nếu có):

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:.....

Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh
 kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Tổng hợp/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...*):

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

2.8. Thời gian phát sóng/ngày:

2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:

2.10. Độ phân giải hình ảnh:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh khác nhau.

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:

2.12. Vệ tinh phát:

2.13. Phương thức truyền dẫn khác (*nếu có*):

Địa điểm đặt máy chủ truyền dẫn:

Địa điểm nhận tín hiệu:

2.14. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

Đối với phương thức thu tín hiệu từ vệ tinh:

Đối với phương thức truyền dẫn khác:

2.15. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất/Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp (Tương tự/Kỹ thuật số/IPTV)/Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

2.16. Yêu cầu biên tập đối với kênh chương trình:

Kênh chương trình phải được biên tập bởi cơ quan báo chí có *giấy phép hoạt động phát thanh/giấy phép hoạt động truyền hình* đã được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2.17. Phạm vi được ủy quyền của đại lý: (*Là đại lý duy nhất/các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)*...)

3. Trách nhiệm của đại lý

Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài (*tên kênh chương trình*) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Giấy chứng nhận này và thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài (*tên kênh chương trình*) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... (*hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn ghi trong văn bản ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp kênh chương trình*).

Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài (*tên kênh chương trình*) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (*tên đại lý đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài*) (*áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung*).

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp chứng nhận;
-
- Lưu:

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy chứng nhận cụ thể.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp thay đổi chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài, thể loại kênh chương trình nước ngoài, nội dung kênh chương trình nước ngoài, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(2) Trường hợp thay đổi khác với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP, đại lý có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi, kèm theo văn bản của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi. Văn bản xác nhận của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có thay đổi về thời gian, thời lượng phát sóng, tỷ lệ thời lượng các nhóm chuyên mục của kênh chương trình, phải có thêm khung chương trình phát sóng trong 01 tháng và có thời gian phát sóng không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp (đại lý).

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Không có

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

i) Phí, lệ phí: 1.750.000 đồng.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

- Thông tư số 153/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp một số khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

3. Thủ tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 về Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

- Trường hợp không cấp giấy phép, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đơn vị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại nơi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia như đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

b) Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(2) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị đáp ứng điều kiện được quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 14 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP và theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(3) Bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc bản sao văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động. Trường hợp thuê, sử dụng mạng viễn thông phải có bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình của đơn vị cho thuê kèm theo quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

(4) Tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ theo quy định

của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ đăng ký.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Bộ VHTTDL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

g) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư;

- Có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet;

- Có phương án bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; giá dịch vụ, kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 năm đầu tiên;

- Có phương án thiết lập hệ thống quản lý tập trung tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài ở một địa điểm, gồm: hệ thống quản lý thiết bị thu, xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, hệ thống quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

- Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch

vụ và quyền lợi của thuê bao;

- Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

- Có văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia, thiết yếu địa phương, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- *Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.*

Phần chữ thường in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình

1. Tên đơn vị (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.....

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm .. /Quyết định hoạt động đối với cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm

- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình số ...do....cấp ngày....tháng...năm hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông số...giữa...và..., ký ngày... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tên miền .vn số ... do... cấp ngày... hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ...do....cấp ngày...tháng... năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung).....

2. Đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

2.1. Loại hình dịch vụ (đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp):

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐

2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:

2.2.1. Địa điểm chính:

2.2.2. Địa điểm dự phòng:.....

2.3. Thông số về kỹ thuật:

- 2.3.1. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:
- 2.3.2. Tiêu chuẩn truyền dẫn/phát sóng:
- 2.3.3. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:
- 2.3.4. Khả năng chèn/thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương (*đối với từng loại dịch vụ*):
.....
- 2.3.5. Các nội dung khác:
- Tên miền cung cấp dịch vụ (*áp dụng với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet*):
 - Ứng dụng cung cấp dịch vụ (*áp dụng với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet*):
 - Tên, biểu tượng của dịch vụ:
 - Độ phân dải và tốc độ tín hiệu hình ảnh/tốc độ tín hiệu âm thanh:
- 2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ (*đối với từng loại dịch vụ*):
- 2.4.1. Phạm vi:
- 2.4.2. Đối tượng:
- 2.4.3. Phương thức quản lý thuê bao:
- 2.4.4. Chất lượng dịch vụ (*các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với từng loại dịch vụ*):
- 2.4.5. Nội dung thông tin (*dự kiến danh mục nội dung*):
- 2.5. Tài liệu kèm theo:
- (1)
- (2)
- 2.6. Cam kết
- (*Tên đơn vị*) cam kết:
- 2.6.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các tài liệu kèm theo.
- 2.6.2. Nếu được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên đơn vị*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.
- Nơi nhận:**
- Như trên;
 -
 - Lưu:
- NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ**
(*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng đề nghị cụ thể của doanh nghiệp.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN****1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:**

- Tên đơn vị:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...hoặc Quyết định hoạt động đối với cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...

Doanh nghiệp không có vốn đầu tư nước ngoài	☐
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	☐

Trường hợp có vốn đầu tư nước ngoài, tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp chiếm....% vốn điều lệ.

2. Thông tin về loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đề nghị cấp Giấy phép (đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp):

<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động</i>	☐
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i>	☐

2.1. Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, cáp (tương tự, kỹ thuật số, IPTV), qua vệ tinh hoặc di động:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình số..... cấp ngày.....có hiệu lực đến hết ngày.....

- Tên đơn vị được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình:.....

- Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

- Loại hình hạ tầng mạng:

- Văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông (trường hợp đơn vị không phải là chủ mạng viễn thông): số.....ngày ký.....có hiệu lực đến hết ngày.....

+ Điều kiện gia hạn thời hạn: có ☐ /không ☐.

+ Quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ: có ☐ /không ☐.

2.2. Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet:

- Tên miền “.vn” cung cấp dịch vụ:

- Giấy chứng nhận đăng ký tên miền “.vn”: số.....ngày ký.....có hiệu lực đến hết ngày....., có điều kiện gia hạn thời hạn: có ☐ /không ☐.

- Tên, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ: có ☐ /không ☐. Trường hợp có, kê khai tên, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ

3. Phương án kỹ thuật

3.1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát chính:

Là trụ sở hoặc thuộc sở hữu của đơn vị: có ☐ /không ☐, trường hợp không, đơn vị có hợp đồng thuê, mượn sử dụng lâu dài: có ☐ /không ☐.

3.2. Địa điểm đặt trung tâm thu phát dự phòng:

Là trụ sở hoặc thuộc sở hữu của đơn vị: có ☐ /không ☐, trường hợp không, đơn vị có hợp đồng thuê, mượn sử dụng lâu dài: có ☐ /không ☐.

3.3. Dự kiến danh mục nội dung:

- Dịch vụ có cung cấp kênh chương trình: (kênh phát thanh/kênh truyền hình).....

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phát thanh thiết yếu quốc gia: có đầy đủ tất cả các kênh ☐ /không có tất cả các kênh ☐

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình truyền hình thiết yếu quốc gia: có đầy đủ tất cả các kênh ☐ /không có tất cả các kênh ☐

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận kênh chương trình phát thanh thiết yếu địa phương: có ☐ /không ☐

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận kênh chương trình truyền hình thiết yếu địa phương: có ☐ /không ☐

+ Văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình phát thanh/truyền hình khác: có ☐ /không ☐

Đối với dịch vụ có cung cấp nội dung theo yêu cầu:

+ Các thể loại nội dung theo yêu cầu dự kiến cung cấp trên dịch vụ:

+ Phương án tiếp nhận nội dung theo yêu cầu: có ☐ /không ☐

+ Phương án làm chậm đối với chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện: có ☐ /không ☐

+ Phương án thực hiện biên tập, phân loại nội dung theo yêu cầu: có ☐ /không ☐

+ Phương án thực hiện biên tập, phân loại nội dung dịch vụ giá trị gia tăng/quảng cáo: có ☐ /không ☐

+ Phương án tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành đối với nội dung có pháp luật chuyên ngành điều chỉnh (như: giáo dục, y tế, trò chơi điện tử,...): có ☐ /không ☐

+ Phương án quản lý bảo đảm nội dung có bản quyền hợp pháp: có ☐ /không ☐

+ Phương án quản lý bảo đảm nội dung được biên tập, phân loại, cảnh báo: có ☐ /không ☐

+ Phương án lưu trữ đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền: có ☐ /không ☐

3.4. Thuyết minh phương án kỹ thuật triển khai cung cấp dịch vụ:

- Thuyết minh phương án thiết lập hệ thống quản lý tập trung tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài ở một địa điểm, gồm: hệ thống quản lý thiết bị thu, xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, hệ thống quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung.

- Thuyết minh phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao.

(Tên đơn vị) cam kết triển khai hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ bảo đảm việc tiếp nhận, truyền dẫn phát sóng nguyên vẹn, chất lượng, an toàn an ninh thông tin các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình từ cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình đến thuê bao, tính liên tục của dịch vụ.

4. Phương án cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ

- Văn bản chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ: có ☐ /không ☐, trường hợp có, văn bản số.....cấp ngày.....do....cấp.

- Cài đặt biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình: có ☐ /không ☐

- Cài đặt biểu tượng dịch vụ trên nội dung theo yêu cầu: có ☐ /không ☐

(Tên đơn vị) cam kết có toàn quyền sở hữu trí tuệ/quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ, trường hợp xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ đối với tên biểu tượng cung cấp dịch vụ nêu trên (tên đơn vị) và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. (Tên đơn vị) lựa chọn và cài đặt tên biểu tượng dịch vụ trên tối thiểu 02 kênh chương trình theo đúng quy định (nếu cung cấp kênh truyền hình).

5. Phương án kinh doanh

- Thuyết minh phương án bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; giá dịch vụ, kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 năm đầu tiên.

- Có quy trình quản lý và xử lý khiếu nại thuê bao sử dụng dịch vụ: có ☐ /không ☐.

- Phương án đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật: có ☐ /không ☐.

Tên đơn vị cam kết triển khai phương án kinh doanh hiệu quả, chấp hành các quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và pháp luật liên quan.

6. Tài liệu đính kèm (scan và đưa vào đề án):

- Quyết định thành lập và giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình đối với cơ quan báo chí truyền thông đa phương tiện;

- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình, hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông (trường hợp đơn vị không phải là chủ mạng viễn thông) và Quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

- Tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ đăng ký.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ**
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
 PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

(Có giá trị đến hết ngày... tháng...năm...)

Cấp lần đầu ngày... tháng... năm ...

Cấp ngày... tháng... năm ...

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.....do cấp ngày... tháng....năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số....ngày....tháng...năm... và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của

CẤP PHÉP CHO:

Tên đơn vị (viết bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm .../Giấy chứng nhận đầu tư số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...hoặc Quyết định hoạt động đối với cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...

Được cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định sau:

Điều 1. Loại hình dịch vụ

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất/Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp (tương tự/ kỹ thuật số/giao thức Internet (IPTV))/Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Điều 2. Quy định về kỹ thuật

1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:

- Địa điểm chính:

- Địa điểm dự phòng:

2. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:

3. Phương thức truyền dẫn tín hiệu:

4. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

5. Khả năng chèn/thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu:

6. Quy định khác về kỹ thuật:

Điều 3. Quy định về cung cấp dịch vụ

1. Phạm vi:

2. Đối tượng:

3. Phương thức quản lý thuê bao:

4. Chất lượng dịch vụ:

5. Nội dung thông tin:

Điều 4. Quy định khác

Ngoài các quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, (tên đơn vị) có trách nhiệm:

1. *Bảo đảm triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, phù hợp với phạm vi thiết lập hạ tầng mạng viễn thông quy định tại Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình sốdo... cấp ngày... tháng... năm.../Giấy xác nhận tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý và ứng dụng cung cấp dịch vụ.*

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Thực hiện công khai niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Nộp đầy đủ và đúng hạn phí quyền cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhập khẩu, phân phối, lắp đặt, vận hành trang thiết bị kỹ thuật phục vụ triển khai giấy phép và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp đường truyền tín hiệu và thiết bị giải mã tới địa điểm theo yêu cầu của cơ quan cấp phép hoặc cung cấp tài khoản sử dụng toàn bộ nội dung trên dịch vụ để phục vụ công tác quản lý.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp phép;
- Bộ trưởng;
- Lãnh đạo Bộ phụ trách;
- Sở VH&TTDL/Sở VH&TT
(phù hợp phạm vi quản lý);
-;
- Lưu: VT,....

**NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu)**

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Bộ VH-TT-DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

- Doanh nghiệp có nhu cầu gửi hồ sơ về Bộ VH-TT-DL (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(2) Bản sao văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu;

(3) Bản sao văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình khác đăng ký trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

e) Cơ quan thực hiện TTHC: Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: *Cơ quan cấp Giấy chứng nhận*

Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình* trả tiền số ...do... cấp...
lần đầu ngày...tháng... năm...; cấp... ngày... tháng...năm.....

1. Đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia				
1.	Ví dụ: VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
2.					
...					
II.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương				
1.	Ví dụ: THVL1	Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
2.					
...					

III.	Các kênh chương trình trong nước khác				
1.	Ví dụ: VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
...					
IV.	Kênh chương trình nước ngoài				
1.	Ví dụ: Cartoon Network	Đài Truyền hình Việt Nam	Công ty TNHH Msky	SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
...					

2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1.					
2.					
...					

3. Tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)
- (...)

4. Cam kết

(Tên đơn vị) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung đăng ký nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (tên đơn vị) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên đơn vị) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHỨNG NHẬN:**

Tên đơn vị cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình* trả tiền (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình* trả tiền số...do ... cấp lần đầu ngày...tháng...năm... ; cấp...ngày...tháng...năm.....

1. Chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia				
1.					
2.					
...					
II	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương				
1.					
...					
III.	Các kênh chương trình trong nước khác				
1.					
...					
IV.	Kênh chương trình nước ngoài				
1.					
...					

2. Kênh chương trình thực hiện cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (<i>đối với kênh chương trình nước ngoài</i>)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1.					
2.					
...					

3. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

(Tên đơn vị) có trách nhiệm cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được ghi tại Giấy chứng nhận này; thực hiện theo đúng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền chương trình phát thanh, truyền hình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Việc cung cấp kênh chương trình theo danh mục tại Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết thời hạn đối với từng kênh chương trình được quy định tại cột thông tin Phạm vi cung cấp thuộc mục 1 của Giấy chứng nhận này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy chứng nhận;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Sở VH TTDL/Sở VH&TT
(phù hợp với phạm vi quản lý);
- Lãnh đạo đơn vị cấp giấy chứng nhận
- Lưu:

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng Giấy chứng nhận cụ thể.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

a) Trình tự thực hiện

- Các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập bởi cơ quan báo chí nộp 01 bộ hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(2) Bản sao các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP; Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với đơn vị quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 18 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP;

(3) Bản sao văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện:

(1) Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan báo chí; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ và các cơ quan khác của nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự ở Việt Nam và cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ và các tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam; văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam.

(2) Các tổ chức không quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 242/2026/NĐ-CP có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

(3) Các đơn vị có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú.

e) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Mẫu đơn, tờ khai: Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

Kính gửi: *Cơ quan cấp Giấy chứng nhận*

1. Thông tin chung:

- Tên (doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân) đăng ký thu/làm đầu mối thiết lập thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh/(ghi bằng chữ in hoa):
- Địa chỉ trụ sở chính:.....
- Điện thoại:..... - Fax:
- Email (nếu có):.....
- Website (nếu có):
- Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do....cấp ngày....tháng....năm....(đối với doanh nghiệp/tổ chức)
- Thẻ thường trú số.... do..... cấp ngày..... tháng.... năm..... (đối với cá nhân)
- Văn bản thuê, mượn địa điểm (nếu có): (ghi rõ số văn bản, thời gian, thời hạn của hợp đồng).
- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...do....cấp.. ..ngày....tháng...năm...(chỉ áp dụng đối với đơn vị đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh).
- Giấy chứng nhận đăng ký (thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh số..... dongày.... tháng..... năm..... (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi/bổ sung)

2. Đăng ký dịch vụ: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

2.1. Đăng ký sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình để thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	☐
2.2. Đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu kênh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh của doanh nghiệp	☐
2.3. Đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.	☐

3. Nội dung chi tiết:

3.1. Tên các kênh chương trình thu:

STT	Tên/biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình
1			
2			
...			

3.2. Mục đích và phạm vi sử dụng:

3.3. Thiết bị sử dụng ¹:

- Anten:..... bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Đầu thu:..... bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Vệ tinh phát sóng

- Thông số phát sóng

3.4. Địa chỉ lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập thiết bị thu*) hoặc tên đơn vị cung cấp dịch vụ thu tín hiệu (*áp dụng với trường hợp sử dụng dịch vụ của đơn vị*):

3.5. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh ²:

3.6. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng ³:

(*Tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP HOẶC CÁ NHÂN**
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN BẢN KÈM THEO

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập tổ chức...

- Bản sao Thẻ thường trú do... cấp ngày...tháng....năm (đối với cá nhân)

- Bản sao có chứng thực văn bản thuê, mượn địa điểm...

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

¹ Đối tượng thuộc mục 2.2 không phải kê khai thông tin này. Đối tượng thuộc mục 2.3, trường hợp thu tín hiệu qua Internet: (1) không phải kê khai thông tin tại mục Anten, Đầu thu, Vệ tinh phát sóng; (2) kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình tại mục Thông số phát sóng.

² Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3.

³ Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3.

Mẫu số 14

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: ... /GCN-TVRO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU
TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH**

(Có giá trị đến hết ngày... tháng...năm...)

Cấp lần đầu ngày...tháng ...năm ...

Cấp...ngày...tháng...năm...

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHỨNG NHẬN:**

1. Tên (*doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân*) (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại:.....

- Giấy phép cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình* trả tiền số ...do... cấp...ngày...tháng...năm⁽¹⁾

2. Được thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, gồm:

STT	Tên/biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình
1			
2			
...			

3. Mục đích và phạm vi sử dụng:.....

4. Địa điểm lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

- Địa chỉ lắp đặt thiết bị thu tín hiệu để thu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập hệ thống thiết bị thu*):

.....

- Địa chỉ đơn vị cung cấp dịch vụ thu tín hiệu:

5. Thiết bị sử dụng: ⁽²⁾

- Anten:bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Đầu thu:bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Vệ tinh phát sóng:

- Thông số phát sóng:

6. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/ âm thanh:⁽¹⁾

7. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng:⁽¹⁾

8. Giấy chứng nhận đăng ký (*thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu*) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế cho Giấy chứng nhận số

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp/tổ chức/ cá nhân được cấp chứng nhận;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận;
- Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình;
-;
- Lưu:

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy chứng nhận cụ thể.
- Các mục đánh dấu ⁽¹⁾: Chỉ dành cho đơn vị làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.
- Các mục đánh dấu ⁽²⁾: Không áp dụng cho các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh qua đơn vị làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

2. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

a) Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu lập 01 hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi lắp đặt thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện:

(1) Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan báo chí; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ và các cơ quan khác của nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự ở Việt Nam và cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ và các tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam; văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam.

(2) Các tổ chức không quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định 242/2026/NĐ-CP có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

(3) Các đơn vị có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú.

e) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

g) Mẫu đơn, tờ khai: Không quy định.

h) Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Đơn vị có nhu cầu gửi hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị cấp giấy xác nhận thông báo.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của thông báo, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị cấp giấy xác nhận thông báo và gửi đơn vị đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và đơn vị cấp giấy phép theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy xác nhận thông báo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi trực tiếp hoặc thư điện tử cho đơn vị và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Trường hợp thay đổi về trung tâm thu phát, loại hình dịch vụ ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, hồ sơ, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

(2) Trường hợp thay đổi các nội dung về phạm vi cung cấp dịch vụ, địa chỉ tên miền và tên ứng dụng cung cấp dịch vụ, tên biểu tượng dịch vụ trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, đơn vị phải có văn bản thông báo và nêu rõ các nội dung thay đổi theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP kèm tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi, nộp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.

e) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

g) Mẫu đơn, tờ khai: Thông báo thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy xác nhận thông báo thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV-....

..., ngày.....tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**Kính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo**Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;**Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp;***(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO**

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của *(tên đơn vị có giấy phép)* gồm những nội dung, như sau:
(danh sách những nội dung thay đổi).....

2. *(Tên đơn vị có giấy phép)* đề nghị *(Tên cơ quan tiếp nhận thông báo)* cấp giấy xác nhận thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do *(tên đơn vị cấp giấy phép)* cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
- Cơ quan cấp giấy phép;
-
- Lưu: VT, (số bản).

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)**

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
 THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
 PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có giấy phép);

Theo đề nghị của.....

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của (tên đơn vị có giấy phép) gồm những nội dung, như sau:
 (danh sách những nội dung thay đổi).....

2. (Tên đơn vị có giấy phép) được triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình (số và ngày cấp Giấy phép) và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Giấy xác nhận thông báo này kể từ ngày ký.

3. Các quy định khác của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... ngày... tháng.... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

4. (Tên đơn vị có giấy phép) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp giấy phép;
- Tên cơ quan cấp giấy phép;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

**LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TIẾP NHẬN
 THÔNG BÁO**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

4. Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

a) Trình tự thực hiện

- Trong vòng 60 ngày trước ngày giấy phép hết hiệu lực, đơn vị muốn gia hạn giấy phép phải gửi văn bản thông báo và nêu rõ thời hạn gia hạn theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của thông báo, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị cấp giấy xác nhận thông báo và gửi đơn vị đề nghị gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và đơn vị cấp giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không cấp giấy xác nhận thông báo gia hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

(1) Văn bản thông báo và nêu rõ thời hạn gia hạn theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình.

e) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

g) Mẫu đơn, tờ khai: Thông báo gia hạn thời hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

h) Kết quả thực hiện: Giấy xác nhận thông báo gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP.

i) Phí, lệ phí: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn.

Giấy phép được gia hạn không quá 01 (một) lần và có hiệu lực không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;
- Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;
- *Nghị định số 242/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động, phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.*

Phần chữ thường, in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo*

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp;

(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO

1. Gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép): từ ngày ... tháng ... năm... đến hết ngày ... tháng ... năm...

2. (Tên đơn vị có giấy phép) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp giấy xác nhận thông báo về việc gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp.

Nơi nhận:

- Đơn vị tiếp nhận thông báo;
- Cơ quan cấp giấy phép;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA ĐƠN VỊ***(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có giấy phép);

Theo đề nghị của

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Gia hạn thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép), như sau: (ghi rõ gia hạn từ thời điểm nào đến thời điểm nào).....

2. (Tên đơn vị có giấy phép) được tiếp tục cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... ngày... tháng.... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép).

3. (Tên đơn vị có giấy phép) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp giấy phép;
- Tên cơ quan cấp giấy phép;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
- ...
- Lưu: VT, (số bản).

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TIẾP NHẬN
THÔNG BÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.